

MẢNH VỠ HỘI THOẠI TRONG CA DAO DÂN CA VIỆT NAM

LÊ ĐỨC LUẬN

Hội thoại trong ca dao dân ca là loại hội thoại đặc thù do môi trường ca hát và đối đáp giao duyên quy định. Hầu hết phần lời của các bài ca dao trữ tình là sản phẩm của các cuộc hát đối đáp giao duyên. Theo lý thuyết hội thoại (1), một cuộc hội thoại ngắn nhất phải đầy đủ hai vế đối thoại : một phần là lời trao lời và hai là phần đáp lời. Tuy nhiên, các công trình biên soạn ca dao dân ca từ trước đến nay cho thấy số lượng các cuộc thoại đầy đủ cả hai vế đối đáp rất ít mà đa số tồn tại dưới dạng không đầy đủ. Dạng không đầy đủ đó chúng tôi gọi là các mảnh vỡ hội thoại.

1. Mảnh vỡ hội thoại có thể xếp ba dạng : Dạng cuộc thoại bị cắt bởi, dạng cuộc thoại chỉ có một vế, dạng lời thoại bị xé nhỏ hoặc bị cắt bớt

1.1. Dạng cuộc thoại bị cắt bớt

Trong thực tế hát đối đáp, cuộc thoại có thể kéo dài hàng giờ, thậm chí thâu đêm. Cuộc thoại do một nam và một nữ đại diện cho hai phe trai gái đối đáp để giao duyên, thử tài nhau, gọi là hát đôi (2). Cuộc thoại đề cập đến nhiều vấn đề và mỗi vấn đề thể hiện nhiều lời thoại kế tiếp nhau theo luân phiên lượt lời. Tuy nhiên, số lượng ca dao đối đáp trên một lượt lời không nhiều mà đa số là lượt lời. Chẳng hạn, bài ca dao sau đây thực tế trên một lượt lời nhưng trong văn bản biên soạn chỉ có một lượt lời : Lời 121(h) KTCĐNV(3) :

*Hoa kia tươi tốt rườm rà
Tuy rằng tươi tốt khi (nhưng) mà ong chiêm
Anh ở trong ấy anh ra
Cớ sao anh biết vườn hoa chị tàn ?
Hoa tàn nhưng nhị chưa tàn
Muốn xem chị vén bức màn cho xem*

VNP7 105

Nếu bài ca dao kết thúc như trên thì chàng trai từ chỗ chê bai cô gái đã bị cô gái cho một vố nhớ đời nhưng theo giáo sư Hoàng Tiến Tự thì bài ca dao này thêm phần lượt lời thứ hai với lời đáp lại của chàng trai :

*Vén màn thì phải sập rèm
Anh vào đem cả thằng em theo vào*

Đến đây tình hình đã đổi khác, cuộc thoại hấp dẫn hơn, đầy kịch tính và có thể

cuộc thoại còn kéo dài hơn nữa.

1.2. Dạng cuộc thoại chỉ có một vế

Dạng này xuất hiện nhiều. Có thể căn cứ vào cách xưng hô và nội dung lời thoại mà biết lời thoại đó là của nam hay nữ. Chẳng hạn bài ca dao :

Mình nói dối ta mình hãy còn son

Ta đi qua ngõ thấy con mình bờ

Con mình những trấu cùng tro

Ta đi xách nước rửa cho con mình

TNCDVN (4)

Rõ ràng đây là phần lời của một chàng trai trách cô gái đã có con nhưng nói dối rằng mình “còn son”. Phần lời của cô gái không có nhưng theo lý thuyết hội thoại thì phải có vì nếu không có thì làm sao chàng trai lại có thể trách được (5). Cuộc thoại này thiếu một vế. Trường hợp khác, vế đối của cô gái mà không có vế đáp của chàng trai :

Lời 310(c) KTCĐNV : *Cây đứng dưới đất gọi là cây đỗ*

Cây đứng một chỗ gọi là cây trôi

Chàng mà dối đừng chàng lời em về ?

HPV 94

Theo các tác giả của cuốn KTCĐNV tập hợp từ 37 cuốn sách (gồm 46 tập) về ca dao dân ca có 11825 đơn vị nhưng chúng tôi thống kê chỉ có hơn 539 đơn vị đối đáp còn lại 3473 lời đơn trong đó có 1843 đơn vị diễn đạt tình cảm của nữ và 1630 đơn vị diễn đạt tình cảm của nam. Như vậy còn lại 4012 đơn vị khó xác định chủ thể trữ tình. Tất nhiên trong số 11825 đơn vị không phải tất cả đều là lời thoại mà có thể trong số đó có những lời thơ được truyền tụng trong dân gian chưa sử dụng trong các cuộc hát đối đáp giao duyên. Mặt khác, cũng phải thấy rằng khi lời thơ đã đi vào quần chúng thì nó bị chi phối bởi quy luật diễn xướng dân gian và không ít lời thơ đã trở thành lời thoại trong các cuộc hát đối đáp.

1.3. Dạng lời thoại bị xé nhỏ hoặc bị cắt bớt

Loại bị xé nhỏ nhưng vẫn giữ nguyên trạng : lời 8 20(d) KTCĐNV :

Đôi ta như thể con tằm

Cùng ăn một lá, cùng nằm một nong

HT 162 NPGT 20a NPNN 4b

Lời 819 KTCĐNV :

Đôi ta như thể con ong

Con quần con quít, con trong con ngoài

HT 162

Loại bị cắt bớt nhưng vẫn giữ nguyên trạng : Lời 821 a(đ) :

Đôi ta như thể con tằm

Cùng ăn một lá, cùng nằm một nong

Đôi ta như thể con ong

Con quần con quít, con trong con ngoài.

THQP 13b

Loại bị xé nhỏ nhưng có thay đổi chút ít : Lời 824 KTCĐNV :

Đôi ta như thể quân bài

Vừa đánh vừa kết chẳng sai quân nào

NÁSL. 29a

Các lời trên phải chăng được tách ra từ lời 821d KTCĐNV :

Đôi ta như thể con tằm

Cùng ăn một lá, cùng nằm một nong

Đôi ta như thể con ong

Con quần con quít, con trong con ngoài.

Đôi ta như thể quân bài

Vừa đánh vừa kết chẳng sai quân nào

2. Có thể do nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng có các mảnh vỡ hội thoại. Có nguyên nhân từ sưu tầm biên soạn, có nguyên nhân từ trong đặc trưng sáng tác, lưu truyền và diễn xướng ca dao dân ca

2.1. Nguyên nhân từ sưu tầm biên soạn

Có một thời gian dài các tác giả và người sưu tầm đã sưu tập, ghi chép các tác phẩm ca dao dân ca như những tác phẩm thơ của văn học viết. Hầu như họ không quan tâm đến đối đáp, các dị bản. Vì vậy, các tác phẩm ca dao dân ca được biên soạn cho đến hiện nay đa số là lời đơn. Có nhiều bằng chứng nó vốn là lời đôi. Chẳng hạn, lời 191a trong KTCĐNV chỉ có lời đơn :

Ai về nhắn với ông câu

Cá ăn thì giết để lâu hết mối

DCBTT 261, HHĐN 255, HT 426

Nhưng lời 187 (a) KTCĐNV lại lời đôi :

- *Ai về nhắn nhủ ông câu*

Cá ăn thì giết để lâu hết mối

- *Mất mối này ta câu mối khác*

Cá biển hồ xao xác thiếu chi

HPV 164

Thậm chí lời 542 (a) KTCĐNV là lời đôi :

- Anh về chẻ lạt bó tro

Rán hành ra mỡ cho em làm chồng

Em về đục núi đôn qua

Cắt cổ chày ra nước ta cho làm chồng

HPV 89

lại bị tách ra thành hai lời riêng biệt. Lời 541 (a) KTCĐNV :

Anh về chẻ lạt bó tro

Rán hành ra mỡ cho em làm chồng

VNP 7435

Và lời 267(e) KTCĐNV :

Em về đục núi đôn qua

Cắt cổ chày ra nước ta cho làm chồng

VNP 7435

Có những trường hợp lời thoại bị tách ra làm cho nó thiếu thông tin đầy đủ.

Bài ca dao :

Rủ nhau đi cấy xứ Đoài

Công lênh chẳng được, được vài mụn con

Đem về bế bế hôn hôn

Đánh tiếng ứ hự rằng con xứ Đoài

Nhưng trong sách Thi ca bình dân tập 1, soạn giả chỉ chép hai dòng sau :

Rủ nhau đi cấy xứ Đoài

Công lênh chẳng được, được vài mụn con

Việc bài ca dao dân ca không còn nguyên trạng đã gây trở ngại cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và học tập ca dao dân ca.

2.2. Nguyên nhân nội tại từ đặc trưng sáng tác lưu truyền và diễn xướng ca dao dân ca

Trong thực tế hội thoại cũng như trong quá trình hát đối đáp giao duyên có trường hợp lời thoại của người hỏi không được “đối tác” trả lời. Phần không được trả lời gọi là tham thoại hẫng hay lời thoại hẫng. Có nhiều lý do mà người nghe không trả lời : Lời thoại quá khó vượt quá khả năng trả lời của người nghe, lời hỏi tục tằn thô lỗ khiến người nghe không muốn trả lời hoặc có lý do tế nhị mà người nghe chưa trả lời. Ví dụ sau đây khá lý thú :

Trong một cuộc hát phường vải, cô gái dùng câu thơ Kiều để lên giọng bề trên châm chọc chàng trai. “Con mắt” được ngắt đôi thành con và mắt :

*Khen cho con, mắt tình đời
Anh hùng đoán giữa trần ai mới tài*

Chàng trai cũng không vừa :

*Vả bây giờ, ới thấy đây
Mà lòng đã chắc những ngày còn thơ*

Từ “vả” được dùng như một liên từ “vả lại” vừa dùng như một động từ “vả” vào mặt. Thế là cô gái đành chịu thua, sượng sùng không nói được nữa (7). Hoặc có trường hợp thấu tình đạt lý, cô gái chấp nhận nhưng không nói lên lời mà chỉ thể bằng thái độ, ánh mắt, cử chỉ. Bài ca dao “Xin áo” điển hình cho dạng tham thoại hăng như thế (8). Hai ví dụ trên có thể lý giải tại sao bài ca dao chỉ có lời đơn hoặc lời đôi một lượt lời.

Một đặc điểm nữa có thể nhận thấy là trong quá trình sáng tác, lưu truyền và biểu diễn, tác giả dân gian có nhu cầu sáng tác lại, nối dài hoặc cắt bỏ những phần không hợp lý cho phù hợp với hoàn cảnh đối đáp và tâm lý từng vùng. Bài ca dao sau đây là một ví dụ điển hình :

*Nhớ khi anh búng anh beo
Tay nâng chén thuốc, tay đeo múi chanh
Bây giờ anh đã anh lành
Anh mê duyên mới, anh tình phụ tôi.*

Đến đây bài ca dao được sáng tác thêm theo năm dạng

Dạng thứ nhất, kéo dài sự trách móc. Lời 416a KTCĐNV :

*Có oán anh tình phụ xôi
Có cam phụ quýt, có người phụ ta
Có quán tình phụ cây đa
Ba năm quán đồ cây đa vẫn còn
Có mực anh tình phụ sơn
Có kẻ đẹp tròn tình phụ nhân duyên
Có bạc anh tình phụ tiền
Có nhân ngãi mới anh quên em rồi*

HHĐN 161 , 162

Dạng thứ hai, đòi li di và tìm cách trả đũa :

*Đất xấu nặn chẳng nên nôi
Anh về lấy vợ để tôi lấy chồng
Anh về lấy vợ cách sông*

Để tôi đi lấy con ông lái đò

Anh kêu dò thì dò chẳng có đưa

Tôi đang mắc con bú tôi chưa có chèo.

Dạng thứ ba, thách thức tỏ ra mình cao giá :

Đất xấu nặn chẳng nên nổi

Anh về lấy vợ để tôi lấy chồng

Anh về lấy vợ cách sông

Để tôi lấy chồng giữa ngõ anh ra

Dạng thứ tư, chia tay nhưng vẫn còn thương yêu :

Đất xấu nặn chẳng nên nổi

Chàng về lấy vợ để thiếp tôi lấy chồng

Chàng về lấy vợ cách sông

Để thiếp tôi lơ lửng lấy con ông lái đò

Phòng khi chàng có sang dò

Sông sâu nước cả thiếp lo cho chàng (9)

Trong cuốn KTGDNV lời 590(a) chỉ có hai câu :

Anh về lấy vợ cách sông

Để tôi lấy chồng giữa ngõ anh ra

NÁSL 19a

Và lời 288(a) lại có dạng đối đáp :

Anh đi lấy vợ cách sông

Em đi lấy chồng giữa ngõ anh ra

Có lấy thời lấy xa xa

Chớ lấy trước ngõ anh ra anh buồn

Buồn thời cất gánh đi buồn

Một vốn bốn lãi anh buồn làm chi

Buồn vì con gái nữ nhi

Cha mẹ thách cưới làm chi lỗ làng

CDTCM127

Dạng thứ năm : Không muốn sống. Lời 30(n) KTCDNV :

Nào khi mô anh bưng anh beo

Tay cắt chén thuốc, tay đeo mùi chanh

Bây giờ anh khỏi anh lành

Anh mê nhan sắc anh tình phụ tôi

Thà tôi xuống giếng cho rồi

Những ví dụ trên cho thấy sự đa dạng, phong phú nhưng cũng rất phức tạp trong hoạt động sáng tác lưu truyền và diễn xướng ca dao dân ca. Những mảnh hội thoại có thể là hệ quả do phương pháp sưu tầm biên soạn, có thể do đặc trưng nội tại của hoạt động sáng tác diễn xướng ca dao dân ca mang lại.

Nghiên cứu các mảnh vỡ hội thoại trong ca dao dân ca phải căn cứ vào lý thuyết hội thoại vừa căn cứ đặc trưng sáng tác và diễn xướng tác phẩm dân gian. Vận dụng lý thuyết hội thoại chúng ta có thể thấy phần lời bị cắt bỏ, bị thiếu sót, bị chấp vá, phần lời bỏ lửng tạo thành các dạng tham thoại hẫng, góp phần làm sáng rõ giá trị to lớn của kho tàng ca dao dân ca Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Đỗ Hữu Châu : *Giáo trình giản yếu về ngữ dụng học*, NXB Giáo dục, Huế, 1995
- (2) Đặng Văn Lung, Hồng Thao, Trần Linh Quý : *Quan họ nguồn gốc và quá trình phát triển*, NXB Khoa học xã hội, Huế, 1978.
- (3) Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật (chủ biên) : *Kho tàng ca dao người Việt*, 4 tập NXB Văn hóa Thông tin, H., 1995.
- (4) Vũ Ngọc Phan : *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*, in lần thứ 8, NXB Khoa học xã hội, H., 1978.
- (5) Xem thêm Lê Đức Luận : *Nghĩa của từ “son” trong bài ca dao “Mình nói dối ta”*. II Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống, H., số 7, 1997.
- (6) Nguyễn Xuân Kính : *Thi pháp ca dao*, NXB Khoa học xã hội, H., 1992
- (7) Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên : *Lịch sử văn học Việt Nam, Văn học dân gian tập 2*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H., 1976.
- (8) Xem thêm Lê Đức Luận : *Dạng tham thoại hẫng trong bài ca dao “Xin áo”*. II Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống, H., số 2, 1998.
- (9) Hoàng Tiến Tựu : *Mấy vấn đề phương pháp giảng dạy nghiên cứu văn học dân gian*, NXB Giáo dục, H., 1983